

Địa vị pháp lý của hội đồng xét xử cấp sơ thẩm trong tố tụng hình sự : Luận văn ThS. Luật: 60 38 40 / Vũ Quang Huy ; Nghd. : TS. Nguyễn Văn Tuấn

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các chữ viết tắt</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CẤP SƠ THẨM	7
1.1. Khái niệm địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm	7
1.1.1. Xét xử sơ thẩm	7
1.1.2. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm	8
1.1.3. Địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử	15
1.2. Một số nguyên tắc liên quan đến hoạt động của Hội đồng xét xử sơ thẩm	18
1.2.1. Nguyên tắc khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật (Điều 16 Bộ luật Tố tụng hình sự)	19
1.2.2. Nguyên tắc đảm bảo quyền bình đẳng trước Tòa án (Điều 19 Bộ luật Tố tụng hình sự)	21
1.2.3. Nguyên tắc không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (Điều 9 Bộ luật Tố tụng hình sự)	22
1.2.4. Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án (Điều 10 Bộ luật Tố tụng hình sự)	24
1.2.5. Nguyên tắc đảm bảo sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng (Điều 14 Bộ luật Tố tụng hình sự)	25
1.3. Khái quát pháp luật về Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm từ năm 1945 đến nay	27
1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước năm 1980	27
1.3.2. Giai đoạn từ năm 1980 đến nay	29
1.4. Một số mối quan hệ của Hội đồng xét xử trong hoạt động xét xử	30
1.4.1. Quan hệ của Hội đồng xét xử với Chánh án, Phó Chánh án, Ủy ban thẩm phán	31
1.4.2. Quan hệ của Hội đồng xét xử với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa	32
1.4.3. Quan hệ của Hội đồng xét xử với Kiểm sát viên	33
1.4.4. Quan hệ của Hội đồng xét xử với Thư ký Tòa án	35
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CẤP SƠ THẨM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	37
2.1. Một số quy định có liên quan đến hoạt động của Hội đồng xét xử tại phiên tòa	37
2.1.1. Thẩm quyền xét xử	37
2.1.1.1. Thẩm quyền theo cấp xét xử	37
2.1.1.2. Thẩm quyền theo lãnh thổ	38
2.1.1.3. Thẩm quyền theo đối tượng	39
2.1.2. Giới hạn xét xử sơ thẩm	41
2.1.3. Việc ra bản án và các quyết định của Hội đồng xét xử	44
2.2. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và thực tiễn áp dụng	47
2.2.1. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm Hội đồng xét xử trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa	47
2.2.2. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về thủ tục bắt đầu phiên tòa	50
2.3. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần thủ tục xét hỏi tại phiên tòa và thực tiễn áp dụng	51
2.3.1. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần thủ tục xét hỏi tại phiên tòa	51
2.3.2. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa	57
2.4. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần tranh luận tại phiên tòa và thực tiễn áp dụng	59
2.4.1. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần tranh luận tại phiên tòa	59
2.4.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về phần tranh luận tại phiên tòa	63
2.5. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần nghị án, tuyên án và thực tiễn áp dụng	64
2.5.1. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần nghị án và thực tiễn áp dụng	64
2.5.2. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần tuyên án	68
Chương 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CẤP SƠ THẨM TRƯỚC YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP	70
3.1. Yêu cầu phải hoàn thiện quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm	70
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng xét xử	72
3.2.1. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm trong tố tụng hình sự	72
3.2.1.1. Bổ sung một số quy định về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử	72

3.2.1.2.	Sửa đổi một số quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử	74
3.2.2.	Một số kiến nghị khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng xét xử	83
3.2.2.1.	Kiến nghị hoàn thiện pháp luật, tăng cường giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật, phát triển án lệ	83
3.2.2.2.	Nghiêm chỉnh thực hiện nguyên tắc khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật	84
3.2.2.3.	Tăng cường năng lực cho đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm	86
	KẾT LUẬN	89
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xét xử là một hoạt động đặc biệt của Nhà nước, chỉ có Tòa án là cơ quan tư pháp trong bộ máy nhà nước được giao thực hiện chức năng này. Điều 127 Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam quy định: *"Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự và các Tòa án khác do luật định là những cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"*.

Trong tố tụng hình sự, xét xử là giai đoạn cuối cùng để giải quyết một vụ án hình sự, là giai đoạn quan trọng nhất của quá trình tố tụng, bằng hoạt động xét xử của mình Tòa án đưa ra bản án, quyết định thể hiện phán quyết của Nhà nước đối với một vụ án hình sự. Chỉ có Tòa án mới có quyền kết tội và quyết định hình phạt đối với một con người. Không ai có thể bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Việc xét xử của Tòa án được thực hiện bởi Hội đồng xét xử (HĐXX), HĐXX là người thay mặt Nhà nước đưa ra bản án, quyết định đối với vụ án hình sự. Bản án, quyết định của HĐXX phải đảm bảo khách quan, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không được bỏ lọt tội phạm. Nếu thiếu thận trọng, thiếu khách quan HĐXX có thể ra bản án, quyết định không đúng pháp luật, điều đó có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, thậm chí nó còn có thể tước bỏ quyền sống của con người. Vì vậy vị trí, vai trò của HĐXX trong xã hội là rất quan trọng.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước, Đảng và Nhà nước rất quan tâm và đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật, đề ra phương hướng, mục tiêu và quy định cụ thể về hoạt động xét xử của Tòa án.

Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị - Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp trong thời gian tới đã xác định:

Khi xét xử, các Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, của bị cáo, nguyên đơn, bị đơn.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng chỉ rõ: *"Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm"*. Nghị quyết cũng đặt ra yêu cầu: *"Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai dân chủ, nghiêm minh, nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp"*.

Trên phương hướng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, đúc rút những kinh nghiệm, thành công khắc phục những hạn chế của hệ thống pháp luật về tố tụng hình sự trước đó đặc biệt là Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 1988. Trên cơ sở tiếp thu và áp dụng những tiếp bộ của khoa học pháp lý trong nước và quốc tế, BLTTHS năm 2003 được ban hành.

BLTTHS ban hành năm 2003 có nhiều quy định mới theo hướng mở rộng dân chủ, tôn trọng quyền bào chữa của bị can, bị cáo, công khai, minh bạch đề cao tính tranh tụng trong hoạt động tố tụng. Đối với hoạt động của HĐXX, Bộ luật cũng có những thay đổi như về việc thay thế thành viên của HĐXX trong trường hợp đặc biệt, về giới hạn xét xử, quy định rõ ràng hơn về quyền hạn, trách nhiệm của Thẩm phán, Hội thẩm.

Tuy vậy BLTTHS năm 2003 cũng bộ lộ một số thiếu sót và hạn chế, một số nội dung quy định chưa rõ ràng, không phù hợp với vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của HĐXX. Điều đó đòi hỏi phải nghiên cứu về vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX, đặc biệt là của HĐXX cấp sơ thẩm để làm rõ địa vị pháp lý của chủ thể này trong hoạt động tố tụng hình sự, góp phần hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả xét xử của Tòa án, đảm bảo không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Vì lý do trên tác giả chọn đề tài ***"Địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm trong tố tụng hình sự"*** để nghiên cứu trong luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Từ trước tới nay đã có một số luận văn, luận án nghiên cứu về địa vị pháp lý của những chủ thể khác trong tổ tụng hình sự như Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, điều tra viên, luật sư... nhưng chưa có luận văn, luận án nào nghiên cứu về địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm trong tổ tụng hình sự.

Cũng đã có một số tài liệu, bài viết về quyền hạn hoặc trách nhiệm của HĐXX tuy nhiên các tài liệu này thường chỉ tập trung vào một số quyền hạn hoặc trách nhiệm nhất định như quyền yêu cầu điều tra bổ sung, quyền khởi tố vụ án của HĐXX hoặc nghiên cứu về một số thủ tục tại phiên tòa như xét hỏi, tranh luận.. Chưa có luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nào nghiên cứu một cách có hệ thống và đầy đủ về quyền hạn và trách nhiệm của HĐXX cấp sơ thẩm trong tổ tụng hình sự và cũng chưa làm rõ được vị trí của HĐXX cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

Vì vậy, việc nghiên cứu về địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm trong tổ tụng hình sự là rất cần thiết nhằm làm rõ vị trí, quyền hạn và trách nhiệm của HĐXX trong việc xét xử các vụ án hình sự tại cấp sơ thẩm để phục vụ cho nghiên cứu, học tập và thực tiễn áp dụng pháp luật.

3. Mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu

*** Mục đích**

Luận văn này nghiên cứu một cách có hệ thống những quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của HĐXX ở cấp sơ thẩm, cụ thể là nghiên cứu về vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX trong tổ tụng hình sự. Luận văn cũng nghiên cứu việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn, chỉ ra những điểm còn bất cập, những mặt còn hạn chế, để từ đó đưa ra những giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm trong tổ tụng hình sự, nâng cao hiệu quả xét xử của Tòa án.

*** Nhiệm vụ**

Để thực hiện được mục đích trên, luận văn có các nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu những vấn đề chung về địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm làm cơ sở cho việc nghiên cứu các quy định của BLTTHS về vấn đề này.
- Nghiên cứu, phân tích, làm rõ các quy định của BLTTHS và các văn bản pháp luật có liên quan về quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX cấp sơ thẩm trong hoạt động tổ tụng hình sự.
- Chỉ ra các điểm bất cập, hạn chế trong các quy định của pháp luật, đưa ra những kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm và những giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử của Tòa án.

*** Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn này chỉ nghiên cứu về địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm trong tổ tụng hình sự. Tập trung làm rõ vị trí, quyền hạn và trách nhiệm của HĐXX trong quá trình xét xử vụ án hình sự.

4. Cơ sở lý luận, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu

*** Cơ sở lý luận**

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

*** Đối tượng nghiên cứu**

Nội dung đề tài được làm sáng tỏ dựa trên cơ sở nghiên cứu các quy định của BLTTHS và các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật quy định về vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX cấp sơ thẩm.

*** Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích, tổng hợp, đối chiếu, so sánh, phương pháp thống kê. Kết luận và đề xuất của luận văn đều dựa trên cơ sở phân tích lý luận, cơ sở khoa học, phân tích thực tiễn và phân tích xu hướng phát triển của hoạt động tổ tụng hình sự trong những năm tới.

5. Đóng góp mới của luận văn

Luận văn làm rõ khái niệm về địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm. Luận văn sẽ phân tích về vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX cấp sơ thẩm theo quy định của pháp luật tổ tụng hình sự, thực tiễn áp dụng pháp luật.

những quy định đầy và chỉ ra những hạn chế thiếu sót của pháp luật hiện tại từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất giải pháp hoàn thiện.

Do đó luận văn có cả ý nghĩa về lý luận và thực tiễn, đóng góp vào hệ thống lý luận luật tố tụng hình sự, là tài liệu tham khảo bổ ích cho những người nghiên cứu, học tập và làm công tác thực tiễn.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm trong tố tụng hình sự.

Chương 2: Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm trong tố tụng hình sự trước yêu cầu cải cách tư pháp.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CẤP SƠ THẨM

1.1. Khái niệm địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm

1.1.1. Xét xử sơ thẩm

Xét xử sơ thẩm được coi là giai đoạn trung tâm của hoạt động tư pháp, khi vụ án được đưa ra xét xử lần đầu tiên, HĐXX sơ thẩm phải giải quyết toàn bộ vụ án, mọi chứng cứ tài liệu đều phải được đưa ra xem xét, thẩm tra, đánh giá công khai tại phiên tòa. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm tuy chưa có hiệu lực pháp luật ngay nhưng rất nhiều quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có giá trị thi hành ngay. Xét xử sơ thẩm là một hoạt động rất quan trọng trong tố tụng hình sự.

1.1.2. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm

HĐXX là một tập thể được thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động theo những nguyên tắc do pháp luật quy định và có những quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa HĐXX giữ vị trí trung tâm, mọi hoạt động tại phiên tòa đều nhằm mục đích giúp cho HĐXX xác định được sự thật của vụ án từ đó ra bản án, quyết định đúng pháp luật. Thành phần HĐXX xét xử ở cấp sơ thẩm gồm có Thẩm phán và các Hội thẩm, thành phần HĐXX sơ thẩm có thể có hai loại:

- Loại thứ nhất là HĐXX có 3 thành viên, trong đó có 1 Thẩm phán và 2 Hội thẩm. HĐXX này xét xử các vụ án không có tính chất nghiêm trọng, không phức tạp và không có bị cáo bị đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình.

- Loại thứ hai là HĐXX có 5 thành viên, để xét xử các vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, các vụ án có bị cáo bị truy tố, xét xử về tội có khung hình phạt mức cao nhất là tử hình. HĐXX có 5 thành viên trong đó phải có 2 Thẩm phán và 3 Hội thẩm.

Hiện nay có nhiều ý kiến cho rằng: Thành phần HĐXX hiện nay không phù hợp vì vai trò và của Hội thẩm tại các phiên tòa là rất mờ nhạt, trình độ pháp luật của các Hội thẩm nhìn chung còn hạn chế, trách nhiệm của Hội thẩm chưa rõ ràng, nhiều Hội thẩm tham gia xét xử mang tính hình thức thậm chí không hiểu rõ ràng về vụ án đặc biệt là khi xét xử các tội phạm liên quan đến kinh tế, tin học, chứng khoán... Thành phần của HĐXX cũng là một nội dung cần nghiên cứu xem xét để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng xét xử.

BLTTHS không quy định hình thức phân công Thẩm phán, Hội thẩm tiến hành tố tụng đối với mỗi vụ án, do đó tại nhiều Tòa án, Chánh án không ban hành quyết định bằng văn bản thành lập HĐXX hoặc quyết định phân công Thẩm phán, Hội thẩm tiến hành tố tụng bằng văn bản nên chưa tạo ra cơ sở pháp lý chặt chẽ để xác định vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của Thẩm phán, Hội thẩm trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là một hạn chế của BLTTHS cần phải xem xét, nghiên cứu.

1.1.3. Địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử

Theo Từ điển luật học: "*Địa vị pháp lý là vị trí của chủ thể pháp luật trong mối quan hệ với những chủ thể pháp luật khác trên cơ sở các quy định của pháp luật. Địa vị pháp lý của chủ thể pháp luật thể hiện thành một tổng thể các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể, qua đó xác lập cũng như giới hạn khả năng của chủ thể trong các hoạt động của mình*".

Khi nói tới địa vị pháp lý của một cá nhân người ta hay nói tới quyền và nghĩa vụ của cá nhân đó theo pháp luật, nhưng khi nói tới địa vị pháp lý của một tập thể hay một tổ chức người ta thường nói tới quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức đó trước pháp luật. Quyền hạn được hiểu là "quyền được xác định trong phạm vi không gian, thời gian, lĩnh vực hoạt động, cấp và chức nhất định". Còn trách nhiệm được hiểu là "phần việc được giao cho, phải bảo đảm làm tròn, nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu hậu quả".

HĐXX là một chủ thể đặc biệt, không phải là cá nhân, cũng không phải là pháp nhân. Địa vị pháp lý của HĐXX thể hiện thông qua các quy định của pháp luật về quyền hạn và trách nhiệm của HĐXX, cũng như qua các mối quan hệ của HĐXX với các chủ thể khác trong hoạt động tố tụng hình sự. Đối với HĐXX quyền hạn và trách nhiệm không thể tách rời, quyền hạn đồng thời là trách nhiệm của HĐXX. Do vậy rất khó để phân biệt rạch ròi đâu là quyền hạn, đâu là trách nhiệm của HĐXX. Từ các phân tích trên ta có thể đưa ra khái niệm về địa vị pháp lý của HĐXX trong tố tụng hình sự như sau: "*Địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm trong tố tụng hình sự là vị trí của HĐXX trong mối quan hệ với những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trên cơ sở các quy định của pháp luật tố tụng hình sự từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến khi kết thúc phiên tòa. Địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm được thể hiện thông qua tổng thể những quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX trong hoạt động xét xử sơ thẩm*".

1.2. Một số nguyên tắc liên quan đến hoạt động của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm

1.2.1. Nguyên tắc khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật (Điều 16 Bộ luật tố tụng hình sự)

Đây là một nguyên tắc Hiến định, rất quan trọng trong hoạt động xét xử. Tuy nhiên hiện nay nguyên tắc này còn bị xem nhẹ, chưa có cơ chế phù hợp cho Thẩm phán, Hội thẩm thực sự độc lập. Việc can thiệp vào hoạt động xét xử không phải là hiếm. Do vậy nhiều nơi Thẩm phán và Hội thẩm chưa thực sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử.

1.2.2. Nguyên tắc đảm bảo quyền bình đẳng trước Tòa án (Điều 19 Bộ luật tố tụng hình sự)

Nguyên tắc này ghi nhận những người tham gia tố tụng được pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng với nhau và với Kiểm sát viên trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và tranh luận dân chủ trước Tòa án nhằm chứng minh cho quan điểm, ý kiến của mình là có căn cứ và hợp pháp.

1.2.3. Nguyên tắc không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (Điều 9 Bộ luật tố tụng hình sự).

Nguyên tắc này khẳng định chỉ có Tòa án mới có quyền kết tội một con người đó bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật. Khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, không một người nào bị coi là có tội. Chỉ có người đã bị Tòa án tuyên bố phạm tội mới bị áp dụng hình phạt và việc áp dụng hình phạt phải do Tòa án thực hiện.

1.2.4. Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án (Điều 10 Bộ luật tố tụng hình sự)

BLTTHS quy định các cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng mọi biện pháp pháp luật quy định để tìm ra sự thật khách quan của vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ. Nguyên tắc này còn quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Hiện nay trong các nhà nghiên cứu pháp lý có ý kiến nên bỏ quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm của Tòa án trong BLTTHS.

1.2.5. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng (Điều 14 Bộ luật tố tụng hình sự)

Nguyên tắc này đòi hỏi những người tiến hành tố tụng phải đảm bảo vô tư khi làm nhiệm vụ. Nếu HĐXX không vô tư, khách quan có thể sự thật của vụ án sẽ không được rõ ràng, việc áp dụng pháp luật sẽ không chính xác, ảnh hưởng tới uy tín của nhà nước, sự nghiêm minh của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Ngoài các nguyên tắc trên HĐXX cũng phải tuân thủ theo các nguyên tắc khác của BLTTHS.

1.3. Khái quát pháp luật về Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm từ năm 1945 đến nay

1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước năm 1980

Giai đoạn này chưa có BLTTHS nhưng các văn bản thời bấy giờ như các văn bản: Sắc lệnh 33/C ngày 13/9/1945 của Chủ tịch nước thiết lập các Tòa án quân sự; Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/1/1946 của Chủ tịch nước về tổ chức các ngạch Thẩm phán; Hiến pháp năm 1946; Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 của Chủ tịch nước về cải cách bộ máy tư pháp và luật tố tụng, Hiến pháp năm 1959; Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 1960; Thông tư số 2421-TC ngày 29/12/1961 và Thông tư số 16-TATC ngày 29/7/1974 của TANDTC đều có những nội dung ghi nhận việc xét xử phải được thực hiện bằng một tập thể. Trong đó có những văn bản xác định HĐXX có nhiệm vụ quyết định mọi vấn đề về nội dung cũng như về thủ tục tố tụng trong phiên tòa. HĐXX quyết định theo đa số, trên nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm ngang quyền nhau.

1.3.2. Giai đoạn từ năm 1980 đến nay

Hiến pháp năm 1980 và BLTTHS năm 1988 đều ghi nhận các nguyên tắc: Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số, khi xét xử Hội thẩm nhân dân ngang quyền với Thẩm phán; Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. BLTTHS năm 2003 trên cơ sở kế thừa BLTTHS năm 1988, đồng thời cũng có một số thay đổi, xác định rõ chức năng nhiệm vụ của những người tiến hành tố tụng, quy định chặt chẽ, cụ thể hơn về quyền hạn, trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng. Sửa đổi các trình tự, thủ tục tố tụng cụ thể, rõ ràng, có tính khả thi hơn, đề cao tính tranh tụng hơn. Về thành phần HĐXX và các nguyên tắc hoạt động của HĐXX cơ bản được giữ nguyên theo quy định của BLTTHS năm 1988.

1.4. Một số mối quan hệ của Hội đồng xét xử trong hoạt động xét xử

Trong hoạt động xét xử HĐXX có quan hệ với các chủ thể khác, những mối quan hệ này cũng góp phần tạo nên địa vị pháp lý của HĐXX.

Tuy nhiên ở phần này tác giả chỉ xin tập trung vào phân tích các quan hệ giữa HĐXX với những người tiến hành tố tụng, các mối quan hệ giữa HĐXX với những người tham gia tố tụng sẽ được thể hiện khi xem xét cụ thể các quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX ở Chương 2.

1.4.1. Quan hệ của Hội đồng xét xử với Chánh án, Phó Chánh án, Ủy ban Thẩm phán

Chánh án là người tổ chức công tác xét xử của Tòa án, quyết định phân công Thẩm phán, Hội thẩm giải quyết, xét xử vụ án hình sự, quyết định việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm trước khi mở phiên tòa. Khi Chánh án vắng mặt một Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh án. Mối quan hệ này mang tính đan xen giữa hành chính và tố tụng. Trong hoạt động tố tụng, không có quy định nào buộc Thẩm phán hay Hội thẩm phải chịu sự chỉ đạo của Chánh án hay Phó Chánh án khi xét xử. Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Tuy nhiên trong thực tế tại không ít các Tòa án trước khi xét xử hoặc sau phần tranh luận, trước khi nghị án, Thẩm phán phải báo cáo nội dung vụ án với Chánh án hoặc Ủy ban thẩm phán (ở Tòa án cấp tỉnh) để xin đường lối giải quyết vụ án, thậm chí là duyệt trước mức án. Việc làm này ảnh hưởng đến tính độc lập của HĐXX.

1.4.2. Quan hệ của Hội đồng xét xử với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa là thành viên của HĐXX, tuy nhiên khi trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng có những quyền hạn, trách nhiệm riêng của mình có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của HĐXX. Như việc ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử có thể liên quan đến giới hạn xét xử của HĐXX và triệu tập những người tham gia tố tụng có thể liên quan đến việc xét hỏi tại phiên tòa. Hoạt động của chủ tọa phiên tòa trong việc điều khiển việc xét xử tại phiên tòa, giữ gìn kỷ luật phiên tòa và quyền xử lý những người có các hành vi vi phạm nội quy phiên tòa cũng có ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của HĐXX. Qua đó, ta thấy vai trò của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đối với hoạt động của HĐXX là rất quan trọng, thậm chí còn quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐXX.

1.4.3. Quan hệ của Hội đồng xét xử với Kiểm sát viên

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hiện chức năng công tố và chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử. Chức năng công tố là chức năng quan trọng nhất của Kiểm sát viên.

Pháp luật tố tụng hình sự hiện nay giao cho Kiểm sát viên hai chức năng là chức năng công tố và chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử là không phù hợp. Điều này dễ dẫn tới HĐXX có sự "thỏa hiệp" ngầm với Kiểm sát viên. Về vị trí ngồi của Kiểm sát viên tại phiên tòa theo cách thức tổ chức các phiên tòa

hiện nay ở nước ta cũng chưa phù hợp, Kiểm sát viên ngồi ngang bằng với HĐXX và cao hơn người bảo chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Chưa làm nổi bật vị thế của HĐXX. Đây là những vấn đề cần quan tâm nghiên cứu khi sửa đổi BLTTHS.

1.4.4. Quan hệ của Hội đồng xét xử với Thư ký Tòa án

Thư ký Tòa án là người làm thư ký tại phiên tòa. Tại phiên tòa Thư ký Tòa án có trách nhiệm ghi biên bản phiên tòa, thực hiện các yêu cầu của HĐXX như cách ly bị cáo, cách ly những người làm chứng, chuẩn bị, bảo quản vật chứng phải xem xét tại phiên tòa. Hoạt động của Thư ký Tòa án góp phần bảo đảm cho HĐXX trong việc thực hiện kế hoạch xét xử và ra bản án có căn cứ. Thư ký Tòa án cũng có sự độc lập nhất định đối với HĐXX. Họ phải ghi biên bản phiên tòa trung thực, chính xác, không thể phản ánh sai diễn biến phiên tòa để "hợp pháp hóa" chứng cứ hay làm sai lệch nội dung vụ án.

Tuy nhiên, hiện nay việc bố trí vị trí ngồi cho Thư ký Tòa án tại các phiên tòa cũng chưa hợp lý dễ gây hiểu lầm Thư ký Tòa án cũng là thành viên của HĐXX, cần phải nghiên cứu để bố trí lại vị trí ngồi của Thư ký Tòa án cho phù hợp, qua đó cũng thể hiện rõ vị trí trung tâm của HĐXX.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CẤP SƠ THẨM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Một số quy định chung có liên quan đến đến hoạt động của Hội đồng xét xử tại phiên tòa

2.1.1. Thẩm quyền xét xử

Thẩm quyền xét xử của Tòa án cũng chính là thẩm quyền xét xử của HĐXX. Thẩm quyền xét xử của Tòa án được quy định từ Điều 170 đến Điều 173 BLTTHS.

2.1.1.1. Thẩm quyền theo cấp xét xử

BLTTHS căn cứ vào tính nghiêm trọng và phức tạp của tội phạm để phân định thẩm quyền xét xử giữa Tòa án cấp trên và Tòa án cấp dưới. Điều 170 BLTTHS quy định về thẩm quyền theo cấp xét xử sơ thẩm, theo đó TAND cấp huyện, TAQS khu vực xét xử hầu hết các loại vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án. Từ các vụ án ít nghiêm trọng đến các tội phạm rất nghiêm trọng với mức cao nhất của khung hình phạt đến 15 năm tù.

2.1.1.2. Thẩm quyền theo lãnh thổ

Thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ là thẩm quyền căn cứ vào nơi tội phạm được thực hiện hoặc nơi kết thúc điều tra vụ án. Thẩm quyền theo lãnh thổ được quy định tại Điều 171 BLTTHS.

2.1.1.3. Thẩm quyền theo đối tượng

Thẩm quyền xét xử theo đối tượng được xác định bởi đối tượng phạm tội. Đây là loại thẩm quyền được phân định giữa TAND với TAQS dựa trên tiêu chí là người phạm tội và thiệt hại xảy ra. Thẩm quyền xét xử của TAQS được quy định trong Điều 3 và Điều 4 Pháp lệnh tổ chức TAQS.

Khi xét xử HĐXX phải đảm bảo xét xử vụ án đúng thẩm quyền của Tòa án nơi mình thực hiện nhiệm vụ. Khi thấy vụ án đang xét xử không thuộc thẩm quyền xét xử của mình, HĐXX phải ra quyết định chuyển vụ án, tuy nhiên HĐXX chỉ được ra quyết định chuyển vụ án khi vụ án đó thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp trên hoặc TAQS. Trong thực tiễn xét xử hiện nay, cũng có trường hợp tại phiên tòa HĐXX phát hiện ra vụ án không thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án mình mà thuộc thẩm quyền của Tòa án khác cùng cấp nhưng không có quyền ra quyết định chuyển vụ án. Hoặc có trường hợp HĐXX của TAQS sau khi mở phiên tòa, phát hiện vụ án không thuộc thẩm quyền xét xử của TAQS nhưng không có quyền ra quyết định chuyển vụ án cho TAND cùng cấp. Đây là một nội dung cần nghiên cứu, xem xét khi sửa đổi bổ sung BLTTHS.

2.1.2. Giới hạn xét xử sơ thẩm

BLTTHS 2003 quy định về giới hạn xét xử tại Điều 196. Quy định này chứa đựng hai nội dung chính như sau:

Thứ nhất: Tòa án chỉ có thể xét xử những bị cáo và những hành vi mà Viện kiểm sát truy tố.

Thứ hai: Tòa án có thể xử bị cáo theo khoản khác với khoản Viện kiểm sát truy tố trong cùng một điều luật hoặc chuyển sang một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội Viện kiểm sát truy tố. Quy định này giới hạn HĐXX khi xét xử chỉ được xử bị cáo theo điều luật Viện kiểm sát truy tố hoặc chuyển sang xét xử bị cáo theo tội danh bằng hoặc nhẹ hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố bị cáo đó. Hiện nay có ý kiến cho rằng quy định này là không phù hợp, không bảo đảm tính độc lập của HĐXX khi ra bản án, không đảm bảo mọi phán quyết của HĐXX phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nên mở rộng giới hạn xét xử của Tòa án.

2.1.3. Việc ra bản án và các quyết định của Hội đồng xét xử

Theo quy định tại Điều 199 BLTTHS, khi ra bản án và các quyết định như: Quyết định thay đổi thành viên của HĐXX, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định người phiên dịch; Quyết định chuyển vụ án; Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung; Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án; Quyết định về việc bắt tạm giam hoặc trả tự do bị cáo, HĐXX phải thảo luận và thông qua tại phòng nghị án. Các quyết định khác HĐXX thảo luận tại phòng xử án không phải lập thành văn bản nhưng phải được ghi vào biên bản phiên tòa.

Liên quan đến các quyết định của điều luật này cũng còn rất nhiều vấn đề cần xem xét:

- Về quyết định yêu cầu điều tra bổ sung của HĐXX: Có ý kiến cho rằng không nên quy định HĐXX có quyền yêu cầu điều tra bổ sung, nên quy định nếu những vụ án chưa điều tra đầy đủ hoặc có vi phạm về tố tụng thì Tòa án sẽ tuyên không đủ cơ sở để kết tội. Quy định như vậy mới nâng cao được trách nhiệm trong công tác của Điều tra viên, Kiểm sát viên và thể hiện vị trí của HĐXX trong việc quyết định về vụ án.

- Về quyết định tạm đình chỉ vụ án của HĐXX trong trường hợp tại phiên tòa Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố mà HĐXX thấy rằng việc rút quyết định truy tố đó là không có căn cứ. Quy định này là không phù hợp, không đảm bảo quyền xét xử của HĐXX. Quy định này không có căn cứ về mặt lý luận.

- Về thủ tục ban hành quyết định trưng cầu giám định của HĐXX, theo quy định của khoản 3 Điều 199 BLTTHS, HĐXX thảo luận và thông qua quyết định này tại phòng xử án. Điều này là không hợp lý và không phù hợp với thực tiễn áp dụng pháp luật.

2.2. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và thực tiễn áp dụng

2.2.1. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa.

Thủ tục bắt đầu phiên tòa là phần mở đầu cho phiên tòa. Ở đó HĐXX phải thực hiện những yêu cầu pháp luật đề ra để đảm bảo cho việc xét xử tại các phần xét hỏi và tranh luận đúng người, đúng pháp luật

BLTTHS quy định thủ tục bắt đầu phiên tòa do chủ tọa phiên tòa thực hiện. Trong phần này chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm kiểm tra căn cước của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng đối tượng tham gia phiên tòa như đúng bị cáo, người bị hại, người làm chứng ...trong vụ án. Giải thích cho những người tham gia tố tụng biết rõ về những quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa. Giải quyết các yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch nhằm đảm bảo sự vô tư, khách quan của những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch. Đảm bảo mọi chứng cứ, tài liệu, vật chứng sẽ được xem xét đầy đủ.

Quy định của pháp luật trong phần này cũng thể hiện vị trí, vai trò của HĐXX là người "trọng tài", là người quyết định khi xem xét, giải quyết yêu cầu của các bên như đề nghị hoãn phiên tòa, đề nghị thay đổi những người tiến hành tố tụng, đề nghị đưa ra xem xét thêm vật chứng, tài liệu, triệu tập thêm những người tham gia tố tụng đến phiên tòa đây cũng là quyền hạn, trách nhiệm rất quan trọng của HĐXX tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về thủ tục bắt đầu phiên tòa

Pháp luật quy định về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa tương đối đầy đủ và rõ ràng nên nhìn chung các HĐXX thực hiện đúng phần này. Tuy nhiên trong thực tế xét xử cũng còn có trường hợp áp dụng pháp luật chưa đúng và có vướng mắc trong phần này.

Thứ nhất: Có một số vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo không nhờ luật sư người bào chữa. Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa bị cáo có ý kiến mời luật sư bào chữa. BLTTHS và các văn bản hướng dẫn hiện nay chưa có quy định căn cứ hoãn phiên tòa trong trường hợp này gây khó khăn cho HĐXX trong việc giải quyết tình huống trên.

Thứ hai: Trong thực tế xét xử có trường hợp luật sư bào chữa đề nghị triệu tập người làm chứng vắng mặt hoặc triệu tập thêm người làm chứng nhưng HĐXX không chấp nhận. Điều này làm hạn chế việc xác định sự thật của vụ án và chưa đáp ứng được yêu cầu tranh tụng trong cải cách tư pháp hiện nay.

2.3. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần thủ tục xét hỏi tại phiên tòa và thực tiễn áp dụng

2.3.1. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần thủ tục xét hỏi tại phiên tòa

Phần thủ tục xét hỏi tại phiên tòa là một phần rất quan trọng của quá trình xét xử vụ án hình sự. Kết quả xét hỏi là một trong những căn cứ quan trọng nhất để HĐXX ra bản án, quyết định. HĐXX có vị trí đặc biệt quan trọng trong phần thủ tục xét hỏi tại phiên tòa và có rất nhiều quyền hạn, trách nhiệm trong phần này. HĐXX nổi lên là người hỏi chính và hỏi toàn bộ các vấn đề của vụ án. Về trình tự xét hỏi luật quy định, chủ tọa phiên tòa là người hỏi trước, sau đó các Hội thẩm hỏi rồi mới tới các người khác có quyền hỏi. HĐXX có thể nghe kết luận giám định, đánh giá của người giám định tại phiên tòa. HĐXX cũng có thể xem xét vật chứng, công bố các tài liệu có trong hồ sơ, xem xét tại chỗ nơi xảy ra vụ án hoặc các nơi có liên quan. HĐXX cũng phải tạo điều kiện cho những người có quyền hỏi khác như Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự xét hỏi những người tham gia tố tụng về vụ án. Việc xét hỏi phải bảo đảm khách quan, toàn diện, đầy đủ làm căn cứ cho việc ra bản án của Tòa án chính xác, đúng pháp luật.

2.3.2. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa

Việc xét hỏi tại các phiên tòa nhìn chung đã diễn ra tương đối khách quan, toàn diện bảo đảm yêu cầu của BLTTHS. Tuy nhiên trong thực tiễn xét xử cũng còn không ít các vướng mắc, hạn chế trong áp dụng pháp luật, cũng như những bất cập của BLTTHS về phần xét hỏi tại phiên tòa cần phải xem xét nghiên cứu.

Thứ nhất: Hầu hết các phiên tòa chủ tọa phiên tòa là người hỏi đầu tiên và là người hỏi chủ yếu, các Hội thẩm thường ít tham gia xét hỏi. Do quy định tại Điều 10, Điều 207 BLTTHS, HĐXX phải chịu trách nhiệm chính về phần xét hỏi, HĐXX phải làm thay cho cả Kiểm sát viên trong việc tìm căn cứ buộc tội và làm thay cả người bào chữa đi tìm căn cứ gỡ tội.

Thứ hai: Có một số HĐXX khi xét hỏi đã có định kiến là đã có tội nên xét hỏi mang tính dồn ép, áp đặt, mớm cung bị cáo hoặc bắt bị cáo đi chứng minh mình vô tội..

Thứ ba: Nhiều phiên tòa vắng mặt những người tham gia tố tụng, điều đó đã hạn chế HĐXX xét xử trong việc xét hỏi, làm cho việc xét hỏi có phần phiến diện.

Thứ tư: Nhiều phiên tòa, Hội thẩm ít khi xét hỏi, hỏi không đúng trọng tâm vụ án, có Hội thẩm hỏi lại những nội dung Thẩm phán đã xét hỏi. Điều này có thể do nhiều nguyên nhân như năng lực, trình độ của Hội thẩm còn hạn chế hoặc có thể do Hội thẩm còn chưa độc lập dựa vào ý kiến Thẩm phán, thậm chí có Hội thẩm chưa tập trung trong quá trình xét xử, chưa nắm vững vụ án.

Thứ năm: Rất ít khi HĐXX xem xét vật chứng trong quá trình xét xử. Thậm chí có trường hợp có mâu thuẫn về lời khai của các bên về vật chứng nhưng HĐXX cũng không yêu cầu đưa vật chứng ra xem xét tại phiên tòa hoặc xem xét tại chỗ.

2.4. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần tranh luận tại phiên tòa và thực tiễn áp dụng

2.4.1. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần tranh luận tại phiên tòa

Phần tranh luận tại phiên tòa là phần rất quan trọng, ở đó các bên căn cứ vào những chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa để đưa ra lý lẽ, lập luận nhằm chứng minh cho quan điểm của mình là đúng, có căn cứ pháp luật. HĐXX có trách nhiệm nghe ý kiến của các bên tham gia tranh luận và hướng cho các bên tranh luận đúng nội dung vụ án và đối đáp các ý kiến. Việc tranh luận của các bên sẽ giúp cho HĐXX có đánh giá đúng về vụ án.

BLTTHS chưa quy định thời điểm người bị hại trình bày lời buộc tội (trong các vụ án khởi tố theo yêu cầu người bị hại) trong phần tranh luận.

2.4.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về phần tranh luận tại phiên tòa

Nhìn chung, các HĐXX đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tạo điều kiện cho các bên được tranh luận với nhau để làm sáng tỏ nội dung vụ án. Tuy nhiên trong thực tế xét xử vẫn còn một số hạn chế trong phần tranh luận như:

Thứ nhất: Các vụ án có luật sư tham gia phiên tòa còn rất ít. Hiểu biết pháp luật của những người tham gia tố tụng nhất là của bị cáo còn hạn chế. Do vậy nhiều phiên tòa phần tranh luận gần như không diễn ra.

Thứ hai: Tại không ít các phiên tòa, vẫn còn hiện tượng HĐXX hạn chế thời gian tranh luận của luận sư. Điều này đã vi phạm Điều 218 BLTTHS.

Thứ ba: Có HĐXX chưa làm hết trách nhiệm và cũng chưa thấy hết ý nghĩa của việc tranh luận sẽ giúp cho HĐXX sáng tỏ vụ án nên không yêu cầu Kiểm sát viên đối đáp với những người tham gia tố tụng khi họ có ý kiến tranh luận.

2.5. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần nghị án, tuyên án và thực tiễn áp dụng

2.5.1. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần nghị án và thực tiễn áp dụng

Nghị án là việc HĐXX thảo luận tại phòng nghị án, thông qua bản án hoặc quyết định giải quyết vụ án. Chỉ có thành viên của HĐXX mới có quyền nghị án, tại đây HĐXX thể hiện rõ nhất quyền hạn, trách nhiệm của mình khi ra bản án, quyết định. HĐXX phải thảo luận và biểu quyết khi ra bản án, quyết định. Khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, biểu quyết theo đa số, Thẩm phán là người biểu quyết sau cùng.

Nhìn chung các HĐXX đều thực hiện tốt quyền hạn và trách nhiệm của mình trong việc nghị án. Tuy nhiên vẫn còn có HĐXX chưa thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm của mình trong nghị án, có những bản án quyết định của HĐXX có nhiều thiếu sót, đánh giá vụ án chưa đúng pháp luật, vẫn còn những quyết định của HĐXX không thi hành được. Thậm chí còn có những vụ án xử oan người vô tội hoặc xét xử sai. Có một số Hội thẩm chưa phát huy được tính độc lập khi nghị án, vẫn còn dựa vào quan điểm, ý kiến của Thẩm phán để biểu quyết, mặt khác cũng còn có Thẩm phán khi nghị án thể hiện sự áp đặt đối với các Hội thẩm.

Cùng với việc ra bản án HĐXX có thể ra một số quyết định khác hoặc kiến nghị sửa chữa khuyết điểm trong công tác quản lý. Về quyết định khởi tố vụ án hình sự của HĐXX, theo quy định tại khoản 1 Điều 104 BLTTHS, hiện nay có ý kiến cho rằng không nên giao cho HĐXX quyền khởi tố vụ án bởi một số lý do như sau:

1) HĐXX là chủ thể có chức năng xét xử, vai trò của HĐXX là "trọng tài" xem xét bị cáo có tội hay không có tội. HĐXX không phải là chủ thể có chức năng buộc tội. Việc giao cho HĐXX quyền hạn khởi tố vụ án là không đúng chức năng xét xử;

2) HĐXX khởi tố vụ án có thể có trường hợp căn cứ chưa vững chắc, do HĐXX không thể đủ thời gian làm rõ tội phạm mới và người phạm tội mới tại phiên tòa;

3) Nếu HĐXX khởi tố vụ án sẽ có thể ảnh hưởng đến tính khách quan khi vụ án được đưa ra xét xử.

BLTTHS quy định HĐXX có quyền ra các Quyết định trả tự do cho bị cáo; Quyết định tạm giam bị cáo; Quyết định bắt và tạm giam bị cáo là các quyết định nhằm đảm bảo bản án được thi hành nhanh chóng và kịp thời. Các quy định này là cần thiết để đảm bảo hiệu lực của bản án. Tuy nhiên, về thời hạn tạm giam bị cáo sau khi tuyên án quy định tại khoản 2 Điều 228 có điểm còn chưa phù hợp, có thể có trường hợp thời hạn tạm giam này vượt quá thời hạn tù còn lại của bị cáo. cần xem xét sửa đổi điều luật này cho phù hợp.

2.5.2. Quy định của pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong phần tuyên án và thực tiễn áp dụng

Tuyên án là việc HĐXX nhân danh Nhà nước đưa ra phán quyết đối với một vụ án, do vậy hoạt động này thể hiện tính quyền lực cao. Bản án được tuyên đọc cho tất cả những người tham gia phiên tòa nghe. Khi HĐXX tuyên án thể hiện sự tính uy nghiêm nên pháp luật quy định. Trách nhiệm của HĐXX khi tuyên án là phải tuyên đọc bản án to, rõ ràng, chính xác, thể hiện sự uy nghiêm. Sau khi tuyên án HĐXX có thể giải thích thêm về các quyết định của bản án và quyền kháng cáo bản án.

**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CẤP SƠ THẨM TRƯỚC YÊU
CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP**

3.1. Yêu cầu phải hoàn thiện quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm

Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐXX và hoàn thiện pháp luật về hoạt động của Tòa án, tập trung chủ yếu vào hoạt động xét xử tại phiên tòa là phương hướng đã được nêu ra trong các nghị quyết của Đảng như: Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 2/1/2008 của Bộ Chính trị; Nghị quyết 49- NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị; Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị. Mặt khác, BLTTHS năm 2003 đã ra đời trong bối cảnh bắt đầu cải cách tư pháp tại Việt Nam, trải qua hơn 6 năm thi hành BLTTHS đã bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc. Trong đó có các hạn chế ở các quy định về quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX cấp sơ thẩm đòi hỏi phải sửa đổi bổ sung cho hoàn thiện hơn nhằm đảm bảo chất lượng xét xử, hạn chế đến mức thấp nhất oan, sai trong tổ tụng hình sự.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng xét xử

3.2.1. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm trong tổ tụng hình sự

3.2.1.1. Bổ sung một số quy định về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử

Thứ nhất: Bổ sung một điều luật quy định về việc thành lập HĐXX và quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX.

Thứ hai: Bổ sung nguyên tắc tranh tụng vào BLTTHS

Thứ ba: Bổ sung quy định về các biện pháp xử lý hành vi không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

3.2.1.2. Sửa đổi một số quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng xét xử

Thứ nhất: Sửa đổi nguyên tắc xác định sự thật của vụ án (Điều 10 BLTTHS) bỏ trách nhiệm chứng minh tội phạm của Tòa án.

Thứ hai: Sửa đổi quy định về thành phần HĐXX tại Điều 185 BLTTHS, theo hướng quy định:

- HĐXX gồm có 2 Thẩm phán và 1 Hội thẩm

- Đối với các vụ án phức tạp, có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, vụ án có bị cáo bị truy tố theo tội danh có khung hình phạt cao nhất là tử hình HĐXX gồm có 3 Thẩm phán và 2 Hội thẩm.

- Đối với những vụ án tội phạm ít nghiêm trọng, nên giao cho 1 Thẩm phán xét xử, không cần lập HĐXX như quy định hiện nay. Trước mắt giao cho 1 Thẩm phán xét xử các vụ án theo thủ tục rút gọn để nghiên cứu rút kinh nghiệm.

Thứ ba: Sửa đổi quy định về quyền ra quyết định chuyển vụ án của HĐXX tại Điều 174 BLTTHS theo hướng quy định: Nếu vụ án đã được đưa ra xét xử việc chuyển vụ án do HĐXX quyết định".

Thứ tư: Sửa đổi quy định về giới hạn xét xử tại Điều 196 BLTTHS. Mở rộng giới hạn xét xử của Tòa án, bỏ cụm từ " theo tội danh" trong quy định tại đoạn 1 Điều 196 BLTTHS. Có thể quy định: *Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử và bỏ đoạn hai của Điều 196 BLTTHS.*

Thứ năm: Sửa đổi quy định về trình tự xét hỏi tại phiên tòa quy định tại khoản 2 Điều 207 BLTTHS theo hướng quy định:

Kiểm sát viên là người hỏi trước để chứng minh tội phạm. Người bào chữa hỏi sau để bào chữa cho bị cáo, sau đó đến người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự hỏi để bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự. HĐXX chỉ hỏi thêm những vấn đề chưa rõ hoặc chưa được xét hỏi.

Và bỏ quy định tại khoản 1 Điều 207 "*HĐXX phải xác định đầy đủ các tình tiết về từng sự việc và về từng tội của vụ án theo thứ tự hợp lý*".

Thứ sáu: Sửa đổi quy định về phần tranh luận theo Điều 217 BLTTHS theo hướng quy định: *Đối với vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, sau khi Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, người bị hại trình bày lời buộc tội, nếu người bị hại có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người này trình bày lời buộc tội, người bị hại có*

quyền bổ sung ý kiến, sau đó bị cáo trình bày lời bào chữa, nếu bị cáo có người bào chữa thì người này bào chữa cho bị cáo. Bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa.

Thứ bảy: Sửa đổi Điều 199 BLTTHS về quyền ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung của HĐXX theo hướng bỏ quyền ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung của HĐXX.

Thứ tám: Sửa đổi quy định việc HĐXX ra quyết định tạm đình chỉ vụ án khi Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên tòa không có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 222 BLTTHS. Có thể quy định khoản 2 Điều 222 BLTTHS như sau:

"Trong trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử vẫn giải quyết những vấn đề của vụ án theo trình tự quy định tại khoản 1 Điều 222 Bộ luật này".

Thứ chín: Sửa đổi thời hạn tạm giam theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTHS theo hướng quy định:

Thời hạn tạm giam bị cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này là 45 ngày. Trong trường hợp bị cáo bị phạt tù nhưng tính từ ngày kết thúc phiên tòa đến ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù dưới 45 ngày thì thời hạn tạm giam bằng thời hạn hình phạt tù còn phải chấp hành.

Thứ mười: Sửa đổi quy định tại Điều 104 BLTTHS về quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự của HĐXX theo hướng bỏ quyền khởi tố vụ án của HĐXX.

3.2.2. Một số kiến nghị khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng xét xử

3.2.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật, tăng cường giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật, phát triển án lệ.

3.2.2.2. Nghiêm chỉnh thực hiện nguyên tắc khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

3.2.2.3. Tăng cường năng lực cho đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm

3.2.2.4. Bố trí lại phòng xử án.

Ngoài các giải pháp trên, để nâng cao chất lượng xét xử cũng cần huy động sự tham gia rộng rãi của quần chúng nhân dân vào việc giám sát hoạt động xét xử, nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các tổ chức khác đối với hoạt động của Tòa án, bỏ chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Kiểm sát viên tại phiên tòa, tăng cường đội ngũ luật sư, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm đưa pháp luật vào cuộc sống để mọi người cùng biết, cùng hiểu và thực hiện đúng pháp luật.

KẾT LUẬN

Xét xử là hoạt động rất quan trọng, mang tính quyền lực nhà nước, HĐXX là người nhân danh Nhà nước thực hiện hoạt động xét xử. Với mong muốn làm rõ những quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm trong tố tụng hình sự, trên cơ sở những quy định của BLTTHS năm 2003 và những văn bản hướng dẫn thi hành, tác giả tập trung làm rõ vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX cấp sơ thẩm trong tố tụng hình sự, từ đó chỉ ra những hạn chế và đưa ra những kiến nghị góp phần hoàn thiện địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm theo yêu cầu của cải cách tư pháp. Tác giả đã đi sâu nghiên cứu đề tài "**Địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm trong tố tụng hình sự**", mục đích nhằm là hướng tới việc giải quyết vụ án hình sự một cách đúng đắn trên cơ sở xét xử các vụ án công bằng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật của Tòa án.

Đây là một đề tài mang tính lý luận và thực tiễn cao, nội dung liên quan đến nhiều vấn đề của tố tụng hình sự cũng như nhiều điều luật cụ thể trong BLTTHS, trong khi đó kiến thức của tác giả còn hạn chế nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Nhưng tác giả hy vọng những kết quả khiêm tốn đạt được của luận văn sẽ đóng góp ở mức độ nhất định trong việc hoàn thiện địa vị pháp lý của HĐXX cấp sơ thẩm trong tố tụng hình sự, đáp ứng yêu cầu về cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đã đặt ra.